TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v Tranh chấp "*Quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Quốc;

2. Ông Phan Thanh Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp *"Quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 115/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thùy T, sinh năm 1969;
Địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp.
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964;
Địa chỉ: 8 N, khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt). Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 14 tháng 3 năm 2025.

2/ Bị đơn: Ông Cao Thanh M, sinh năm 1958;
Địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Anh P, sinh năm 1967; (Xin vắng mặt)
3.2. Anh Nguyễn Khánh D, sinh năm 1996; (Xin vắng mặt)
3.3. Anh Nguyễn Khánh N, sinh năm 2000; (Xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ông Cao Văn P1, sinh năm 1955;
Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

3.5. Ông Cao Văn P2, sinh năm 1965;

Địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

3.6. Bà Nguyễn Thị Bạch C, sinh năm 1966; (Vắng mặt)
3.7. Chị Cao Thị Yến T1, sinh năm 1989; (Vắng mặt)
3.8. Chị Cao Thị Yến T2, sinh năm 1999; (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Bà Huỳnh Thị Kim C1, sinh năm 1964; (Vắng mặt)
3.10. Anh Cao Xuân Q, sinh năm 1985; (Vắng mặt)
3.11. Anh Cao Xuân P3, sinh năm 1987; (Vắng mặt)
3.12. Cao Ngọc T3, sinh năm 2001; (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Bà Lê Mỹ N1, sinh năm 1957; (Xin vắng mặt)
3.14. Cao Xuân H, sinh năm 1977; (Xin vắng mặt)
3.15. Cao Hồng V, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Cao Thị Thùy T là bà Phan Thị U trình bày*:

Hiện tại, bà T là người đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 184, tờ bản đồ số 13, diện tích 2245,2m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tại khu phố V, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường G, tỉnh Đồng Tháp). Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở cho hộ bà Cao Thị Thùy T vào ngày 08/4/2015.

Nguồn gốc đất do cá nhân bà T nhận chuyển nhượng từ anh Cao Xuân K và Cao Văn P1 vào năm 2003, 2005 bằng nguồn tiền của riêng. Các thành viên trong hộ hoàn toàn không có đóng góp trong việc tạo lập thửa đất, cũng không có văn bản thỏa thuận thống nhất hai thửa đất này là tài sản chung của hộ gia đình. Các giao dịch trên hoàn tất, bà T đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/3/2003 nhưng Giấy chứng nhận ghi cấp cho hộ gia đình. Bà T cũng không để ý việc ghi cấp cho hộ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chỉ nghĩ có tên mình ghi trên Giấy chứng nhận là đủ.

Chính việc ghi cấp cho hộ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc đầu đã làm cho ông Cao Văn M1 nghĩ rằng thửa đất 184 là tài sản chung của hộ mà mẹ ruột ông là bà Lê Thị N2, sinh năm 1935, đã mất ngày 06/04/2019 là một thành viên trong đó nên không đồng ý cho bà T hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất 184 nhưng qua quá trình giải quyết vụ án ông M1 đã thống nhất thửa 184 là tài sản của cá nhân bà Cao Thị Thùy T nên bà T không có ý kiến gì.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông Cao Thanh M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà T và yêu cầu toà án Công nhận thửa đất số 184, tờ bản bản đồ số 13, diện tích 2245,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02395 ngày 08/4/2015 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Cao Thị Thùy T loại đất ở nông thôn 200m^2 và trồng cây lâu năm 2045.2m^2, tại khu

phố V, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân bà Cao Thị Thùy T. Bà T được quyền đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng ông Cao Thanh M là bị đơn trình bày:*

Ông không có tranh chấp thửa đất 184 của bà T mua của ông K và ông P1, ông chỉ tranh chấp phần đất mà cha mẹ ông chết không để lại di chúc theo ông biết là thửa đất 183. Ông sẽ về tìm hiểu và khởi kiện chia thừa kế tại toà án bằng vụ án khác. Trong vụ án này ông không tranh chấp, thống nhất với yêu cầu của Cao Thị Thùy T. Ông không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà T.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng ông Cao Văn P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Trong 02 thửa đất 1616 và 1617 của chị T đang tranh chấp có 01 thửa là của ông chuyển nhượng cho bà T, thửa còn lại của ông Cao Xuân K chuyển nhượng cho bà T, không liên quan gì đến mẹ của ông. Ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà T, không có ý kiến khác và xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng ông Cao Văn P2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông công nhận thửa đất 1616 và thửa 1617 là tài sản riêng của cá nhân bà T, ông không tham gia đóng góp gì đối với thửa đất đang tranh chấp của bà T, ông không có ý kiến gì và xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại giấy công nhận tài sản, quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Bạch C, Cao Thị Yến T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Công nhận thửa đất 1616 và thửa 1617 là tài sản riêng của cá nhân bà T chuyển nhượng từ ông cao Xuân K và Cao Văn P1, bà và chị không tham gia đóng góp gì đối với thửa đất đang tranh chấp của bà T, không có ý kiến gì và xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng ông Nguyễn Anh P, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Khánh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Thống nhất yêu cầu của bà T và xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bà lê M, Cao Xuân H, Cao Hồng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Công nhận thửa đất 1616 và thửa 1617 là tài sản riêng của cá nhân bà T nhận chuyển nhượng từ Cao Xuân K và Cao Văn P1, không tham gia đóng góp gì đối với thửa đất đang tranh chấp của bà T, không có ý kiến gì và xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Đối với bà Huỳnh Thị Kim C1, anh Cao Xuân Q, anh Cao Xuân P3, Cao*

Ngọc T3, chị Cao Thị Yến T1 không có ý kiến trình bày.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Về án phí: Các đương sự thực hiện theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại phường G, tỉnh Đồng Tháp, quyền sử dụng đất tranh chấp tại phường G, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án và Điều 236 Luật đất đai 2024 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 169 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*".

Về tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn ông Cao Thanh M xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh P, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Khánh N, Cao Văn P1, Cao Văn P2, Lê Mỹ N1, Cao Xuân H, Cao Hồng V vắng mặt có đơn xin vắng; Nguyễn Thị Bạch C, Cao Thị Yến T1, Cao Thị Yến T2, Huỳnh Thị Kim C1, Cao Xuân Q, Cao Xuân P3, Cao Ngọc T3 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Cao Thanh M chấm dứt hành vi cản cản trở quyền sử dụng đất của bà T và yêu cầu toà án Công nhận thửa đất số 184, tờ bản bản đồ số 13, diện tích 2245,2m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02395 ngày 08/4/2015 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Cao Thị Thùy T loại đất ở nông thôn 200m^2 và trồng cây lâu năm 2045.2m^2, tại khu phố V, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân bà Cao Thị Thùy T. Bà T được quyền đăng ký kê khai với cơ quan nhà

nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu Công nhận thửa đất số 184, tờ bản bản đồ số 13, diện tích 2245,2m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tại khu phố V, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân bà Cao Thị Thùy T và bà T được quyền đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 08/4/2015 hộ bà Cao Thị Thùy T được Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02395 đối với thửa đất 184, tờ bản đồ số 13, diện tích 2245,2m^2 (trong đó đất ở nông thôn 200m^2, cây lâu năm 2045,2m^2);

Thửa đất 184 có nguồn gốc từ 02 thửa 1616 của ông Cao Xuân K và thửa 1617 của ông Cao Văn P1. Trước khi cấp đổi thành thửa 184 thì hộ bà Cao Thị Thùy T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07040 QSDĐ/LH ngày 11/3/2003 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp gồm 02 thửa 1617 diện tích 950m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) và thửa 1616 diện tích 1204m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở).

Tại thời điểm năm 2003 hộ bà T gồm có các thành viên ông Cao Văn C2, (chết năm 2011); Lê Thị N2 (chết năm 2019); Cao Văn P2, sinh năm 1965; Nguyễn Thị Bạch C, sinh năm 1966; Cao Thị Yến T1, sinh năm 1989; Cao Thị Yến T2, sinh năm 1999; Nguyễn Khánh D, sinh năm 1996; Nguyễn Khánh N, sinh năm 2000; Cao Thị Thùy T, sinh năm 1969.

Tại thời điểm năm 2005 hộ bà T gồm có các thành viên Nguyễn Anh P; Lê Thị N2, Cao Thị Thùy T, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Khánh N.

Tại thời điểm năm 2015 hộ bà T gồm có các thành viên Nguyễn Anh P; Lê Thị N2, Cao Thị Thùy T, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Khánh N.

Ông Cao Văn C2, chết năm 2011; bà Lê Thị N2 chết năm 2019.

Cha của ông C2 là Cao Văn C3 đã chết; mẹ ông C2 là bà Phạm Thị N3, đã chết; cha của bà N2 là ông Lê Văn T4 (đã chết) mẹ của bà N2 là bà Nguyễn Thị N4 (đã chết);

Ông C2 và bà N2 gồm có 06 người con: Cao Xuân K (đã chết, có vợ là Lê Mỹ N1, con là Cao Xuân H, Cao Hồng V); Cao Văn P1; Cao Thanh M; Cao Văn N5 (đã chết, có vợ là Huỳnh Thị Kim C1, Cao Xuân Q, Cao Xuân P3, Cao Ngọc T3); Cao Văn P2, Cao Thị Thùy T.

Lúc đầu phía bị đơn ông M cho rằng tại thời điểm năm 2015 (thời điểm cấp đất) thì trong hộ bà T có bà Lê Thị N2 (là mẹ của ông và bà T, đã chết năm 2019) nên ông M không đồng ý ký tên chuyển quyền sử dụng đất từ hộ Cao Thị Thùy T thành cấp cho cá nhân bà Cao Thị Thùy T vì đất cấp cho hộ mà bà N2 là thành

viên trong hộ nên ông yêu cầu được hưởng một phần tài sản của bà N2. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông M cho rằng ông chỉ tranh chấp phần đất do cha mẹ chết để lại chưa chia là thửa 183, không tranh chấp thửa 184 của bà T vì thửa 184 của bà T có nguồn gốc từ thửa 1616 và thửa 1617 của ông P1 và ông K chuyển quyền qua cho bà T), ông thống nhất yêu cầu của bà T.

Các đương sự ông P2, ông P1, vợ và các con của ông K là bà N1, con ông K là Xuân H, Hồng V; vợ và con ông P1 là Nguyễn Thị Bạch C, Cao Thị Yến T2 thống nhất yêu cầu của bà T.

Vợ và các con của ông N5 là bà Nguyễn Thị Kim C4, anh Cao Xuân P3, anh Cao Xuân Q, Cao ngọc T3; con của ông P1 là Cao Thị Ngọc T5 được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày cũng không có yêu cầu hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xem xét thẩm định và trích lục bản đồ địa chính thửa đất 184 cấp cho hộ bà Cao Thị Thùy T có diện tích 2245.2m^2 vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp kênh;

Hướng Tây giáp thửa 183 và đường bê tông;

Hướng Nam giáp thửa 185 và thửa 157;

Hướng Bắc giáp thửa 137;

Trên phần đất có công trình, nhà và 01 số cây trồng các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu định giá.

Qua thu thập hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định thửa 184 hiện cấp cho hộ bà Cao Thị Thùy T là của vợ chồng bà Cao Thị Thùy T và ông Nguyễn Anh P, tuy nhiên ông P có ý kiến thống nhất với yêu cầu của bà T và đồng ý để bà T đứng tên cá nhân quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bị đơn có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bị đơn.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Điều 169 Bộ luật Dân sự;

- Điều 236 Luật đất đai năm 2024;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị Thùy T;

Công nhận thửa đất số 184, tờ bản bản đồ số 13, diện tích 2245,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02395 ngày 08/4/2015 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Cao Thị Thùy T loại đất ở nông thôn 200m^2 và trồng cây lâu năm 2045.2m^2, tại khu phố V, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân bà Cao Thị Thùy T.

Bà T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định luật.

Phần đất có vị trí tứ cận:

Hướng Đông giáp kênh;

Hướng Tây giáp thửa 183 và đường bê tông;

Hướng Nam giáp thửa 185 và thửa 157;

Hướng Bắc giáp thửa 137;

(Có trích lục bản đồ địa chính kèm theo)

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Cao Thanh M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: H1 lại cho bà Cao Thị Thùy T số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà trang đã nộp theo biên lai thu số 0001322 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.)

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND.KV2-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc **Bùi Thu Hảo** **Nguyễn Thị Thu Thảo**